TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
"V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B; địa chỉ: Số H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Thế A: Bà Lê Thị B; địa chỉ: Số H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Làng T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B trình bày: Ngày 13/10/2017, ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị V 01 lô cà phê mà ông Anh và bà B nhận khoán của Công ty TNHHMTV Cà Phê Gia Lai – Chi nhánh G, diện tích 1,78 ha với số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời gian thanh toán cụ thể như sau: Tháng 10/2017 bà V thanh toán cho ông Anh và bà B số tiền 20.000.000 đồng; Tháng 12/2017 bà V thanh toán cho ông A và bà B số tiền 30.000.000 đồng; Tháng 12/2018 bà V thanh toán cho ông A và bà B số tiền 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng 12/2017, bà V đã trả cho ông A và bà B số tiền 50.000.000 đồng. Đến

tháng 12/2018 bà V phải thanh toán số tiền còn lại là 50.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Do vậy, ông A và bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông A và bà B số tiền nhận chuyển nhượng lô cà phê nhận khoán còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền nợ với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định của pháp luật, thời hạn tính lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là bà Nguyễn Thị V đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà Nguyễn Thị V cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà Nguyễn Thị V.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 Giấy chứng minh nhân dân của Hoàng Thế A (bản sao); 01 Căn cước Công dân (bản sao); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 01 Giấy sang nhượng lô; 01 Giấy ủy quyền; 01 Biên bản xác minh của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 01/01/2019 đến nay và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" nhưng nay thấy rằng đối tượng của hợp đồng là quyền thuê khoán 01 lô cà phê của Công ty TNHHMTV Cà Phê Gia Lai – Chi nhánh G, không phải là quyền sử dụng đất và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng nên nay xác định lại cho đúng là "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền". Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là 01 Giấy sang nhượng lô thể hiện ngày 13/10/2017, vợ chồng ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B sang nhượng cho bà Nguyễn Thị V 01 lô cà phê mà ông Anh và bà B nhận khoán của Công ty TNHHMTV Cà Phê Gia Lai – Chi nhánh G, diện tích 1,78 ha với số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Anh và bà B công nhận bà V đã trả cho ông Anh và bà B số tiền 50.000.000 đồng. Đến tháng 12/2018 bà V phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng còn lại cho ông A và bà B nhưng bà V không thực hiện. Bị đơn là bà Nguyễn Thị V không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì phản đối nội dung các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp và lời khai của phía nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để khẳng định bà Nguyễn Thị V còn nợ ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B số tiền 50.000.000 đồng là có thật.

[3] Về việc trả nợ: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ số tiền 50.000.000 đồng còn lại là tháng 12/2018, như vậy khoản nợ nói trên đã quá thời hạn. Bị đơn là bà Nguyễn Thị V không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B, buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là tháng 12/2018, ngày quá hạn tính từ ngày tiếp theo là ngày 01/01/2019. Như vậy, tiền lãi chậm trả được tính kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử 21/6/2021 là 03 năm 05 tháng và 21 ngày. Tiền lãi được tính như sau 50.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm + 50.000.000 đồng x 0,8333%/tháng x 05 tháng + 50.000.000 đồng x 0,0278%/ngày x 21 ngày = 17.275.150 đồng.

[5] Về số tiền phải trả: Tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm trả bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B tính đến ngày 21/6/2022 là 50.000.000 đồng + 17.275.150 đồng = 67.275.150 đồng.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 280, Điều 357 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng sang nhượng lô thể hiện ngày 13/10/2017 tính đến ngày 21/6/2022

là 67.275.150 đồng (sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 17.275.150 đồng (mười bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.363.757 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng); Ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Hoàng Thế A và bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008431 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính